

BÁO CÁO

Sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 trong lĩnh vực nông nghiệp vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

~~Khu vực~~ Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (DHNTB & TN) bao gồm 13 tỉnh, thành phố chiếm 28,39% diện tích và 16,13% dân số cả nước; dân số tương đối thưa, có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Khu vực DHNTB nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, đặc trưng là nhiệt độ cao, nóng ẩm, cường độ ánh sáng mạnh. Địa hình chủ yếu là đất đồi, núi, dải đồng bằng hẹp, bờ biển dài. Tây Nguyên là khu vực cao nguyên liền kề, khí hậu có hai mùa rõ rệt mùa khô và mùa mưa: mùa khô nóng hạn, thiếu nước trầm trọng, mùa mưa nóng ẩm, tập trung 85-90% lượng mưa của cả năm. Nhìn chung cả 2 khu vực có điều kiện khí hậu, địa hình và đất đai rộng và phù hợp với việc phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa, bò sữa, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Cùng với vùng ĐBSCL & ĐNB, đây là vùng có nhiều sản phẩm nông sản chủ lực xuất khẩu của nước ta; hàng năm giá trị xuất khẩu nông sản ở khu vực này khoảng 26,4%¹ so với cả nước. Tuy nhiên, đời sống và sản xuất của nhân dân của vùng này đang phải đối mặt với nhiều thách thức do biến đổi khí hậu, trình độ sản xuất của hầu hết đồng bào dân tộc thiểu số lạc hậu, đời sống của nhân dân có nhiều khó khăn, tỷ lệ đói nghèo cao (đặc biệt khu vực Tây Nguyên là 17,14%); tình hình an ninh- chính trị và trật tự an toàn xã hội (đặc biệt là khu vực Tây Nguyên) tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Do vậy việc phát triển kinh tế xã hội nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng ở vùng này được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm.

Sau khi Luật Hợp tác xã năm 2012 được ban hành và có hiệu lực, tình hình phát triển HTX nông nghiệp trong vùng đã có sự chuyển biến. Các mô hình HTX chuyển đổi thích ứng với tình hình sản xuất nông nghiệp hiện nay ngày càng nhiều. Tuy nhiên, số lượng HTX trong vùng ít, tăng bình quân trong năm không nhiều nên việc tổ chức sản xuất ở khu vực này vẫn chủ yếu là các hộ nông dân nhỏ lẻ và sản xuất theo mô hình trang trại dẫn đến việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ở khu vực này vẫn còn nhiều khó khăn.

Thực hiện Quyết định số 377/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các tỉnh tổ chức sơ kết tình hình thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 trong lĩnh vực nông nghiệp vùng DHNTB & TN như sau:

¹ Vùng Trung du MNPB 16,2%, vùng ĐBSH & BTB 22,7%, vùng ĐBSCL & ĐNB 34,7% (Năm 2016).

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI LUẬT HỢP TÁC XÃ CỦA VÙNG

1. Ở Trung ương

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012.

Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch Đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác giai đoạn 2014-2020; triển khai Phong trào thi đua “Đổi mới, phát triển các HTX nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã 2012 góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”; tổ chức lễ tuyên dương các điển hình HTX tiêu biểu và nhiều hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp với các địa phương; phát hành nhiều tài liệu hướng dẫn, tuyên truyền về Luật Hợp tác xã; xây dựng giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX, tổ hợp tác. Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị; ký kết Nghị quyết liên tịch với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp giai đoạn 2016-2020.

Thông qua các đề án, dự án như: Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo, Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững ngành hàng lúa gạo, cà phê (VnSAT); các dự án phát triển hạ tầng đã hỗ trợ nguồn vốn quan trọng cho sản xuất của vùng trong đó có các HTX, tổ hợp tác.

2. Ở địa phương

Có 05/13 tỉnh ban hành Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Luật; 03/13 tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ HTX của địa phương; còn lại các tỉnh đều ban hành Đề án và Kế hoạch, văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012.

Tuyên truyền, phổ biến, triển khai Luật: Có 05/13 tỉnh ký kết chương trình phối hợp đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác giữa ngành nông nghiệp và Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh; 05/13 tỉnh ban hành kế hoạch phát động thi đua “Đổi mới, phát triển các HTX nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012 góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”. Đến hết năm 2016, các địa phương đã tổ chức 117 lớp tập huấn cho cán bộ HTX nông nghiệp với 5.235 lượt người, kinh phí hỗ trợ 3.667 triệu đồng; tổ chức 05 hội nghị tuyên truyền cho 734 lượt người. Thực hiện nhiều chuyên đề tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và phát hành trên 8.000 tờ rơi, trên 1.400 sách, tài liệu hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã.

Một số địa phương như Lâm Đồng, Đắk Lắk, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định đã chủ động lồng ghép các chương trình hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để giúp các HTX nông nghiệp đẩy mạnh liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản. Ngoài ra, một số tập đoàn lớn cùng các doanh nghiệp đã hỗ trợ cho nhiều HTX sản xuất và tiêu thụ nông sản xuất khẩu thông qua các hợp đồng liên kết với giá trị hàng ngàn tỷ đồng.

Lực lượng cán bộ quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ phát triển HTX nông nghiệp có 50 người ở cấp tỉnh (bình quân 3,8 người/tỉnh, thấp nhất so với mức bình quân chung của cả nước) được bố trí ở Chi cục Phát triển nông thôn (riêng Thành phố Đà Nẵng không thành lập Chi cục Phát triển nông thôn mà chỉ bố trí 01 cán bộ chuyên trách ở Sở); có 12/12 Chi cục Phát triển nông thôn có phòng chuyên môn về kinh tế hợp tác nhưng một số Chi cục không bố trí cán bộ chuyên trách về kinh tế hợp tác mà chỉ kiêm nhiệm. Ở cấp huyện bố trí 01 cán bộ Phòng Tài chính Kế hoạch chuyên trách quản lý nhà nước chung về HTX, 01 cán bộ Phòng Nông nghiệp và PTNT (hoặc Phòng Kinh tế) kiêm nhiệm quản lý nhà nước về HTX nông nghiệp.

Các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Quảng Nam,... tích cực triển khai công tác thi hành Luật và hỗ trợ các HTX nên tình hình phát triển HTX nông nghiệp bước đầu đã có những chuyển biến rõ nét. Tuy nhiên, ở nhiều địa phương việc thực hiện nhiệm vụ đổi mới, phát triển HTX nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã gặp nhiều khó khăn, lúng túng và hiệu quả thấp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT HỢP TÁC XÃ

1. Tổ chức lại và thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012

a) Đối với khu vực Duyên hải Nam Trung bộ

- Đăng ký lại: Tại thời điểm Luật Hợp tác xã có hiệu lực (01/7/2013), khu vực DHNTB có 01 liên hiệp và 668/872 HTX nông nghiệp cần phải đăng ký lại. Đến hết năm 2016, có 01 liên hiệp và 624 HTX nông nghiệp đã đăng ký lại, đạt tỷ lệ 93,4%². Còn 44 HTX chưa đăng ký lại nhưng vẫn đang hoạt động.

- Giải thể, sáp nhập, chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác: Có 135 HTX đã giải thể, sáp nhập³, không có HTX chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác. Hiện còn 98 HTX ngừng hoạt động vẫn chưa được giải thể (chiếm 11,2% tổng số HTX hiện nay).

- Thành lập mới: Đến hết năm 2016 có 04 liên hiệp HTX và 111 HTX nông nghiệp được thành lập mới. Bình quân mỗi năm mỗi tỉnh có 04 HTX nông nghiệp được thành lập mới⁴, thấp hơn nhiều so với mức bình quân chung cả nước. Cao nhất là tỉnh Quảng Nam, tuy nhiên sau hơn 3 năm cũng mới chỉ thành lập mới được 29 HTX.

b) Đối với khu vực Tây Nguyên:

- Đăng ký lại: Tại thời điểm Luật Hợp tác xã có hiệu lực (01/7/2013), khu vực Tây Nguyên có 02 liên hiệp và 156/398 HTX nông nghiệp cần phải đăng ký lại. Đến hết năm 2016, có 02 liên hiệp và 155 HTX nông nghiệp đã đăng ký lại, đạt tỷ lệ 99,4%⁵. Còn 01 HTX chưa đăng ký lại nhưng vẫn đang hoạt động.

² Các tỉnh Đà Nẵng, Quảng Ngãi hoàn thành đăng ký lại nhưng vẫn còn HTX ngừng hoạt động chưa giải thể.

³ Tỉnh có số HTX nông nghiệp giải thể nhiều là Quảng Ngãi (29 HTX). Các tỉnh có số HTX nông nghiệp giải thể ít là Khánh Hòa, Ninh Thuận (01 HTX).

⁴ Các tỉnh có số HTX nông nghiệp thành lập mới ít là Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận (dưới 10 HTX). Bình quân cả nước có 11,8 HTX thành lập mới/tỉnh/năm. (số liệu trong 3,5 năm từ 01/7/2013 đến 31/12/2016).

⁵ Các tỉnh đã hoàn thành đăng ký lại là Kon Tum, Đắk Nông, Gia Lai, Lâm Đồng nhưng vẫn còn vướng HTX ngừng hoạt động chưa giải thể.

- Giải thể, sáp nhập, chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác: Có 103 HTX đã giải thể, sáp nhập; 04 HTX chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác. Hiện còn 106 HTX ngừng hoạt động vẫn chưa được giải thể (chiếm 26,8% tổng số HTX hiện nay).

- Thành lập mới: Đến hết năm 2016 có 01 liên hiệp và 133 HTX nông nghiệp được thành lập mới. Bình quân mỗi năm, mỗi tỉnh có 7,6 HTX nông nghiệp được thành lập mới (thấp hơn so với mức bình quân chung cả nước). Nhiều nhất là tỉnh Đắk Lắk sau hơn 3 năm đã thành lập mới 64 HTX (bình quân mỗi năm thành lập mới 18 HTX).

2. Tình hình phát triển hợp tác xã nông nghiệp

a) Về số lượng

Đến hết năm 2016, cả vùng có 1.272 HTX nông nghiệp chiếm 11,8% tổng số HTX nông nghiệp trong cả nước. Bình quân 01 tỉnh có 98 HTX, trong đó Tây Nguyên là 79 HTX, DHNTB là 109 HTX, thấp hơn rất nhiều so với mức bình quân chung của cả nước (là 170 HTX/tỉnh).

Đa số các HTX hoạt động tổng hợp (71,7%). Số HTX hoạt động chuyên ngành chỉ chiếm 28,3% (thấp hơn mức bình quân cả nước 37,7%), trong đó lĩnh vực trồng trọt lớn nhất (58,6%), tiếp đó là thủy sản (25,1%).

b) Về quy mô hợp tác xã

- Số lượng thành viên của HTX nông nghiệp ở khu vực DHNTB & TN hiện nay có khoảng 731 ngàn thành viên (giảm gần 367 ngàn thành viên sau khi đăng ký lại). Số thành viên bình quân là 575 thành viên/HTX. Các tỉnh DHNTB có số thành viên bình quân là 821 thành viên/HTX cao hơn nhiều so với khu vực Tây Nguyên. Tỉnh Bình Định có số thành viên bình quân lớn nhất là 1.501 thành viên/HTX. Các tỉnh Tây Nguyên là 81,6 thành viên/HTX, trong đó tỉnh Kon Tum có số thành viên lớn hơn (là 108 thành viên/HTX)⁶.

- Vốn, tài sản của hợp tác xã:

+ Về vốn: Vốn hoạt động bình quân/HTX khoảng 2,1 tỷ đồng, cao hơn bình quân cả nước (1,1 tỷ đồng), trong đó một số tỉnh có vốn lớn (Bình Thuận 8,5 tỷ đồng/HTX, Bình Định 3,9 tỷ đồng/HTX, Quảng Nam 3,3 tỷ đồng/HTX). Các HTX có vốn lớn có điều kiện đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh thì hiệu quả hoạt động cao. Còn lại nhiều HTX vốn ít nên hoạt động nhiều khó khăn, hiệu quả thấp. Việc tiếp cận nguồn vốn từ tổ chức tín dụng của các HTX rất hạn chế do không có tài sản thế chấp và ít HTX có phương án kinh doanh hiệu quả. Đối với các HTX thành lập mới có ít thành viên, góp vốn lớn (nhất là vùng Tây Nguyên) thì hoạt động hiệu quả cao hơn.

Nguồn vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã: có 6/13 tỉnh đã thành lập Quỹ, trong đó 04 tỉnh có số vốn hoạt động 46,5 tỷ đồng, bình quân 11,6 tỷ đồng mỗi tỉnh). Còn 02 tỉnh có thành lập quỹ nhưng chưa bố trí vốn.

⁶ Tỉnh Đắk Nông 39 TV/HTX, tỉnh Đắk Lắk 47 TV/HTX, tỉnh Gia Lai 53 TV/HTX, tỉnh Lâm Đồng 64 TV/HTX.

Tổng số vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho các hợp tác xã trong 04 năm rất hạn chế khoảng 93,5 tỷ đồng, gồm 66,5 tỷ đồng từ ngân sách Trung ương và 27 tỷ đồng từ ngân sách địa phương⁷. Ngoài ra thông qua các Chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa như: cà phê, cao su, ca cao, điều, hồ tiêu, ... và hạ tầng, Nhà nước đã đầu tư số vốn tương đối lớn song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là đối với các HTX.

Số nợ đọng của các HTX trước thời điểm 01/7/2013 là 16,4 tỷ đồng, trong đó nợ của các thành viên là 14,2 tỷ đồng⁸. Ngoài ra, các thành viên còn nợ đọng HTX là 64,8 tỷ đồng dẫn đến HTX gặp khó khăn về vốn hoạt động.

+ Tài sản của hợp tác xã: Nhìn chung tài sản của HTX hạn chế, chỉ có một số HTX có liên kết, được đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX và có vốn góp của thành viên tương đối lớn thì có điều kiện đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật nên hoạt động sản xuất kinh doanh được mở rộng, hiệu quả được nâng cao. Số còn lại, rất nhiều HTX không có điều kiện để đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật nên hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều khó khăn, hiệu quả thấp.

c) Hiệu quả hoạt động:

- Hầu hết các HTX ở khu vực DHNTB hoạt động chủ yếu là phục vụ thành viên các dịch vụ thiết yếu, ít tham gia liên kết với doanh nghiệp (dưới 10% số HTX tham gia liên kết với doanh nghiệp), việc tiêu thụ nông sản chủ yếu thông qua các thương lái nên không ổn định. Một số HTX có vốn, liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị thì hiệu quả hoạt động cao như: HTX nông nghiệp I Điện Phước Quảng Nam, HTX nông nghiệp Phước Hưng Bình Định, HTX nông nghiệp An Ninh Tây Phú Yên, HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Long Điền I Bình Thuận....

- Các HTX ở khu vực Tây Nguyên có số lượng thành viên phù hợp, hoạt động chủ yếu tập trung vào các chuyên ngành trồng trọt, chăn nuôi; tỷ lệ HTX có liên kết với doanh nghiệp là 22% (cao hơn khu vực DHNTB), trong đó có 11,6 % số HTX nông nghiệp thực hiện sản xuất theo tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn trong sản xuất, 9% số HTX nông nghiệp áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, công nghệ cao trong sản xuất. Nhiều HTX được doanh nghiệp hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng; hỗ trợ về kỹ thuật, vốn, đầu tư cơ sở vật chất và tiêu thụ nông sản xuất khẩu nên hoạt động tương đối ổn định đối với các sản phẩm: rau, quả, điều, hồ tiêu ..., điển hình là: Hợp tác xã Dịch vụ tổng hợp Anh Đào (Lâm Đồng), 15 HTX liên kết trong hệ thống thương mại công bằng của các doanh nghiệp nước ngoài thu mua nông sản, hoặc 05 mô hình HTX do Ngân hàng của Hà Lan tư vấn về hoạt động và hỗ trợ vay vốn, kỹ thuật cho HTX hoạt động khá hiệu quả. Đây chính là các mô hình HTX kiểu mới có hiệu quả mang lại lợi ích cao cho thành viên. Tuy nhiên, một số sản phẩm tiêu thụ vẫn gặp khó khăn vì các hợp đồng liên kết không đáp ứng được hết số nông sản sản xuất ra (như cà phê khoảng 25%).

⁷ Nguồn vốn hỗ trợ cho đào tạo bồi dưỡng là lớn nhất (khoảng 29,5 tỷ đồng); sau đó là các chính sách: hỗ trợ giống, vốn do thiên tai dịch bệnh (khoảng 22,7 tỷ đồng); ứng dụng KHKT, công nghệ mới (khoảng 12,7 tỷ đồng); hỗ trợ máy móc sản xuất kinh doanh (khoảng 6,1 tỷ đồng), hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng (khoảng 4,4 tỷ đồng).

⁸ Nợ các tổ chức tín dụng 217 triệu đồng, nợ ngân sách nhà nước 27 triệu đồng, nợ các hội, đoàn thể, doanh nghiệp 1,03 tỷ đồng, nợ khác 849 triệu đồng.

Bên cạnh đó, còn nhiều HTX chỉ làm nhiệm vụ dịch vụ đầu vào phục vụ cho các thành viên, sản phẩm do thành viên tự tiêu thụ qua hệ thống các chủ vựa và thương lái nên thường phải vay với lãi suất cao, bị các chủ vựa và thương lái ép giá nên hiệu quả sản xuất không cao, thu nhập của các thành viên giảm.

Theo số liệu thống kê của các tỉnh, toàn vùng có 35,7 % (trong đó DHNTB là 36,1%, Tây Nguyên là 34,6%) số HTX nông nghiệp đang hoạt động được phân loại khá, tốt.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Sau 4 năm thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 cho thấy hoạt động các HTX có nhiều tiến bộ, đặc biệt là các HTX kiểu mới đáp ứng với yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới hiện nay. Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành nhiều văn bản pháp luật để hướng dẫn thực hiện Luật. Một số địa phương bổ sung cơ chế chính sách đặc thù và tổ chức chỉ đạo thực hiện quyết liệt nên việc thực hiện Luật Hợp tác xã đạt kết quả tích cực.

- Về cơ bản các HTX đã chuyển đổi hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, nhiều HTX hoạt động gắn với sản phẩm chủ lực của vùng, thực hiện liên kết theo chuỗi, trong đó có nhiều mô hình HTX liên kết với các siêu thị lớn để mở rộng tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt một số HTX có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng trên phạm vi nhiều tỉnh, doanh thu cao hàng trăm tỷ đồng (như HTX Dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Anh Đào Lâm Đồng).

- Nhiều HTX đã áp dụng kỹ thuật công nghệ cao, tiên tiến vào sản xuất, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, áp dụng nông nghiệp hữu cơ trong trồng trọt.

- Số lượng cán bộ HTX được đào tạo có trình độ chuyên môn khá (là 53,7%); một số cán bộ HTX có nhiều kinh nghiệm, tâm huyết và nhạy bén với cơ chế thị trường, mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX.

- Thu nhập của các thành viên HTX ở vùng này đạt trên 02 triệu đồng/người/tháng, cao hơn mức bình quân chung cả nước (cả nước đạt gần 02 triệu đồng) nên đã động viên các thành viên yên tâm tham gia và gắn bó với HTX.

2. Tồn tại, hạn chế

a) Hạn chế của Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn

- Quy định của Luật Hợp tác xã về tỷ lệ góp vốn tối đa của thành viên không quá 20% vốn điều lệ là không phù hợp, nhất là đối với khu vực này sản xuất hàng hóa xuất khẩu quy mô lớn, đa dạng, rất cần vốn, một số thành viên của HTX có khả năng góp vốn lớn nhưng do quy định hiện hành nên không thu hút được nguồn vốn cho hoạt động của HTX. Các quy định về thủ tục để thành lập các HTX quá rườm rà gây khó khăn cho việc thành lập HTX.

- Đối với các văn bản hướng dẫn còn thiếu một số quy định cụ thể như: Hướng dẫn chuyển đổi HTX sang các loại hình tổ chức khác (doanh nghiệp, tổ hợp tác); quy định cho phép thanh lý tài sản không chia của hợp tác xã trong trường hợp tài sản hư hỏng, không còn khả năng sử dụng; một số cơ chế để tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX hoạt động như: tham gia bảo hiểm nông nghiệp, vay vốn tín dụng (từ các tổ chức tín dụng và từ nguồn công nghệ cao); một số hướng dẫn của các Bộ, ngành cũng cần nghiên cứu để điều chỉnh cho phù hợp.

- Quy định về tỷ lệ cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng không phải thành viên HTX không quá 32% là bất cập, nhất là đối với vùng Tây Nguyên có số thành viên bình quân/HTX ít nhưng là khu vực sản xuất hàng hóa xuất khẩu lớn, tập trung, nên quy định như trên sẽ là rào cản trong hoạt động của HTX (hiện nay có khoảng 20,4 % số HTX trong vùng đang hoạt động không đúng theo tỷ lệ quy định).

- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Nội dung chính sách của Quyết định mới chỉ tập trung cho cây lúa; nguồn lực hỗ trợ chủ yếu từ ngân sách địa phương trong khi đa số các địa phương khó khăn.

- Còn thiếu hướng dẫn định mức và thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Hạn chế trong tổ chức triển khai thực hiện Luật.

- Thời gian ban hành một số văn bản hướng dẫn Luật HTX kéo dài và phải điều chỉnh nên quá trình triển khai thực hiện Luật gặp nhiều khó khăn.

- Chính sách hỗ trợ HTX được ban hành nhiều, tuy nhiên còn tản mạn và thiếu nguồn lực đầu tư cho việc liên kết và tiêu thụ sản phẩm; nguồn lực để phát triển hạ tầng, vốn tín dụng để thúc đẩy HTX phát triển có nhưng không nhiều. Các HTX chưa tiếp cận được với chính sách hỗ trợ cho thủy sản (Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ Về một số chính sách phát triển thủy sản; sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015).

- Vùng DHNTB & TN có điều kiện phát triển HTX trong lĩnh vực sản xuất các loại cây trồng hàng hóa và đánh bắt thủy sản. Tuy nhiên, do chưa được quan tâm đầy đủ nên các HTX chưa phát triển, số lượng HTX rất ít so với yêu cầu tổ chức lại sản xuất ở vùng này.

c) Hạn chế nội tại của các hợp tác xã.

- Do yêu cầu về sản xuất và xuất khẩu của vùng rất lớn do đó các HTX nông nghiệp giữ vai trò quan trọng tham gia vào việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nhưng hiện nay phần lớn các HTX đều gặp nhiều trở ngại là thiếu nguồn vốn đầu tư sản xuất kinh doanh, thiếu tư vấn của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, thiếu hệ thống bảo quản sau thu hoạch và năng lực quản trị chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Là vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp xuất khẩu quan trọng của cả nước, song sự liên kết giữa nông dân, HTX, doanh nghiệp để tổ chức sản xuất, áp dụng tiến bộ kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu. Chỉ có 16,5 % số HTX tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, với doanh nghiệp. Nhu cầu doanh nghiệp cần liên kết với HTX là rất lớn, nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn phải liên kết trực tiếp với các chủ trang trại, hộ nông dân để thu mua, tiêu thụ nông sản.

- Khu vực DHNTB quy mô sản xuất nhỏ, nhiều vùng sản xuất chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, gặp rất nhiều khó khăn nhưng thành viên quá lớn nên đa số các HTX làm dịch vụ đầu vào cho thành viên là chủ yếu, hiệu quả hoạt động thấp.

- Một số HTX đã đăng ký lại theo Luật Hợp tác xã năm 2012 nhưng chưa thực sự tổ chức và hoạt động đúng các quy định của Luật Hợp tác xã như: thành viên không góp vốn, chưa ký kết hợp đồng cung ứng dịch vụ, chưa cấp giấy chứng nhận vốn góp, chưa điều chỉnh mức vốn góp tối đa của thành viên về 20%, thành viên không sử dụng dịch vụ của HTX, chưa thực hiện đúng quy định về cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng không phải thành viên không quá 32%...

- Sự liên kết trong sản xuất, kinh doanh giữa thành viên với HTX và các thành viên với nhau còn lỏng lẻo, chưa chặt chẽ.

- Các HTX ngừng hoạt động không còn bộ máy nên không quan tâm đến việc thực hiện giải thể, một số HTX vướng mắc về công nợ, tài sản, cán bộ chủ chốt cũ của HTX không còn cư trú ở địa phương nên không liên hệ được, một số thất lạc hồ sơ, con dấu nên không thể hoàn thiện được hồ sơ để giải thể.

3. Nguyên nhân

- Sự chỉ đạo quản lý nhà nước của hệ thống và một bộ phận cán bộ quản lý chuyên môn của ngành nông nghiệp các cấp còn thiếu, chưa nghiên cứu kỹ Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn nên chưa nhận thức đúng và đầy đủ về bản chất và vai trò của HTX và các cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước dẫn đến việc tổ chức triển khai chưa đáp ứng với yêu cầu.

- Cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã mặc dù đã ban hành tương đối nhiều song chưa kịp thời, đồng bộ, còn bất cập, đặc biệt chưa có đủ nguồn lực hỗ trợ, nguồn quỹ hỗ trợ phát triển HTX, nguồn vốn tín dụng để hỗ trợ cho HTX phát triển theo đúng Luật Hợp tác xã (còn nhiều tỉnh không thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX).

- Mặc dù trình độ về quản lý và chuyên môn của cán bộ HTX có trình độ khá, tuy nhiên đa số các HTX cán bộ cao tuổi, thiếu nhạy bén trong hoạt động, chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh (hiện nay còn 26,2% số HTX không xây dựng phương án hoạt động sản xuất kinh doanh).

- Sự hỗ trợ và tạo điều kiện cho HTX phát triển của một số cấp ủy Đảng, cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức chính trị xã hội ở nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức. Một số nơi cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã còn can thiệp sâu vào hoạt động của HTX (nhất là ở khu vực DHNTB và thường can thiệp vào hoạt động tài chính, nhân sự).

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

a) Đăng ký lại 45 HTX theo Luật Hợp tác xã năm 2012, hoàn thành xong trong năm 2017. Nếu không thực hiện thì thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thực hiện giải thể bắt buộc.

b) Giải thể 204 HTX ngừng hoạt động, thực hiện cơ bản xong trong năm 2018. Để tháo gỡ khó khăn cho việc giải thể thì cần phải rà soát, đánh giá và ban hành một số cơ chế xử lý dứt điểm các tồn đọng của các HTX.

c) Nâng cao hiệu quả của các HTX nông nghiệp trên địa bàn thông qua việc nâng cao trình độ cán bộ quản lý HTX; hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho các HTX theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; khuyến khích liên kết, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tạo cơ hội để các HTX tiếp cận các nguồn quỹ hỗ trợ theo Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

Các tỉnh lựa chọn một số hợp tác xã có quy mô phù hợp để hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết chuỗi theo hướng ứng dụng công nghệ cao; tiêu chuẩn an toàn; xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm.

d) Các tỉnh xây dựng kế hoạch thành lập mới các HTX theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT nhằm thực hiện đạt mục tiêu Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ đến 2020 xây dựng 15.000 HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp có hiệu quả. Cần quan tâm nguồn phát triển HTX chủ yếu là các tổ hợp tác và trang trại (hiện trong vùng có gần 3.000 tổ hợp tác và gần 4.000 trang trại) do đó cần tập trung vận động, tuyên truyền để các trang trại liên kết với nhau và phát triển tổ hợp tác để thành lập HTX mới.

2. Giải pháp

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về HTX: Phổ biến các mô hình HTX hoạt động hiệu quả, mô hình liên kết theo chuỗi giữa HTX với doanh nghiệp gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản xuất khẩu để tạo chuyển biến trong nhận thức của cán bộ các cấp và người dân về vai trò, tổ chức, vận hành của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

b) Khẩn trương hoàn thiện các chính sách và cơ chế khuyến khích, hỗ trợ HTX nông nghiệp phát triển.

c) Tăng cường nguồn lực hỗ trợ phát triển HTX thông qua: Tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX nông nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng, quỹ hỗ trợ phát triển HTX, thực hiện bảo lãnh tín dụng. Bố trí vốn và sớm triển khai các chính sách hỗ trợ HTX theo quy định. Tạo cơ chế để huy động nguồn lực từ xã hội, đặc biệt là đẩy mạnh liên kết theo chuỗi giá trị để hỗ trợ cho HTX phát triển.

d) Nâng cao trình độ và năng lực cho cán bộ HTX:

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ và năng lực cho cán bộ quản lý chủ chốt của HTX về nội dung cơ bản của Luật Hợp tác xã năm 2012, các văn bản hướng dẫn Luật có liên quan và các kỹ năng điều hành, quản lý HTX.

- Đào tạo về chuyên môn kỹ thuật cho thành viên HTX để áp dụng quy trình công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn, chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường.

- Rà soát lựa chọn một số HTX thực hiện thí điểm thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật cho HTX theo Thông tư số 340/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính để thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

đ) Tăng cường năng lực cho bộ máy quản lý nhà nước đối với HTX nông nghiệp thông qua việc bố trí lực lượng cán bộ đủ mạnh, bố trí cán bộ chuyên trách về kinh tế hợp tác trong Phòng Kinh tế hợp tác ở Chi cục Phát triển nông thôn; đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ để thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước về phát triển HTX trên địa bàn.

e) Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, đặc biệt là của hệ thống Liên minh Hợp tác xã trong công tác vận động, giúp đỡ phát triển HTX nông nghiệp.

g) Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán, đánh giá phân loại nhằm thực hiện đầy đủ các quy định và tính minh bạch trong hoạt động của HTX.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về Luật Hợp tác xã năm 2012

Về cơ bản các quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 có nhiều tiến bộ, đáp ứng được yêu cầu phát triển HTX trong cơ chế thị trường hiện nay, tuy nhiên về lâu dài đề nghị:

- Nghiên cứu sửa đổi và bổ sung quy định tại Khoản 1 Điều 17 về nâng tỷ lệ vốn góp tối đa của thành viên phù hợp (hiện quy định không quá 20% vốn điều lệ) nhằm khuyến khích các thành viên hợp tác xã có điều kiện tham gia góp vốn vào HTX để tăng cường vốn hoạt động cho HTX.

- Điều chỉnh thủ tục thành lập HTX theo hướng đơn giản để tạo điều kiện cho các HTX thành lập dễ dàng, khuyến khích HTX thành lập nhiều hơn.

- Bổ sung quy định về chế độ bảo hiểm đối với các HTX vào Luật HTX.

- Bổ sung chính sách hỗ trợ bảo quản sau thu hoạch; ứng dụng công nghệ cao; áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn vào Khoản 3 Điều 6 Luật Hợp tác xã.

2. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

Đề nghị Chính phủ chỉ đạo và giao cho các Bộ, ngành có liên quan một số nhiệm vụ sau:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Trình Chính phủ sớm ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ; bổ sung HTX nông nghiệp vào đối tượng áp dụng của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Hướng dẫn quy trình, thủ tục chuyển đổi HTX sang các loại hình tổ chức khác.

- Hướng dẫn định mức hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Chính phủ.

- Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về HTX trong đó có HTX nông nghiệp để phục vụ công tác quản lý nhà nước về HTX nói chung và HTX nông nghiệp mới riêng.

- Đề xuất cơ chế huy động nguồn lực xã hội để hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp.

b) Bộ Tài chính:

- Hướng dẫn xử lý các khoản nợ và tài sản không chia của HTX khi giải thể, chuyển đổi sang loại hình kinh doanh khác; các quy định về đánh giá và thanh lý tài sản không chia của hợp tác xã trong trường hợp tài sản hư hỏng, không còn khả năng sử dụng.

- Đề xuất ban hành các quy định về hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp đối với các HTX nông nghiệp.

- Đề xuất cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng trụ sở, nhà sơ chế, kho bảo quản cho HTX nông nghiệp.

c) Ngân hàng Nhà nước:

- Chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Bộ, ngành chức năng tổ chức hội nghị chuyên đề bàn cơ chế tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX nông nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng từ các ngân hàng và các nguồn quỹ tín dụng khác.

- Hướng dẫn xử lý các khoản nợ các tổ chức tín dụng của HTX khi giải thể, phá sản.

- Đề xuất cơ chế cho HTX được tham gia vào chương trình cho vay phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Đề xuất cơ chế định giá tài sản khi vay vốn và cho phép HTX được dùng tài sản hình thành trên đất sau khi định giá để thế chấp vay vốn tín dụng.

d) Bộ Nông nghiệp và PTNT:

- Trình Chính phủ: Ban hành Nghị định về chính sách hỗ trợ liên kết hợp tác sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (tháng 12/2017); Nghị định sửa đổi Nghị định về chính sách hỗ trợ ngành nghề nông thôn (tháng 7/2017); Nghị định sửa đổi Nghị định về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch (tháng 12/2017).

- Phê duyệt Đề án Đổi mới, phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTX hoạt động hiệu quả đến năm 2020.

- Xây dựng Đề án đưa cán bộ HTX có quy mô sản xuất lớn ra nước ngoài đào tạo, nâng cao năng lực sản xuất và quản lý theo hướng xã hội hóa.

- Xây dựng đề án hỗ trợ phát triển các HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Tập trung cao độ để triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã trên địa bàn, trong đó cần quan tâm rà soát lại Đề án (hoặc Kế hoạch) Đổi mới, phát triển HTX ở địa phương để điều chỉnh, bổ sung nội dung, giải pháp tổ chức thực hiện và bố trí nguồn lực hỗ trợ đảm bảo yêu cầu phát triển HTX nông nghiệp trong thời gian tới đây.

b) Quan tâm chỉ đạo lựa chọn một số hợp tác xã có quy mô phù hợp để hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết chuỗi với doanh nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao; tiêu chuẩn an toàn; xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm.

c) Tập trung nâng cao năng lực và kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường lực lượng cán bộ đủ mạnh để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về HTX nông nghiệp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND các tỉnh DH miền Trung và Tây Nguyên;
- Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ (để báo cáo);
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để báo cáo);
- Lưu: VT, KTHT (30b).



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 1222/SY-UBND

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 05 tháng 9 năm 2017

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- K13 VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT (02b).



Nguyễn Đức Thi

Phụ lục 1
SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP VÙNG DHNTB + TN
 Ban hành kèm theo báo cáo số ~~6867~~ **6867**/BC-BNN-KTHT ngày ~~17~~ **17** /8/2017
 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

STT	TÊN TỈNH, TP	Thời điểm 01/07/2013	Số lượng HTXNN			
			Thời điểm 31/12 các năm thi hành Luật HTX			
			Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	2	3	4	5	6	7
	Cả nước	10.425	10.410	10.750	11.299	10.726
	DH NTB + TN	1.270	1.282	1.307	1.339	1.272
A	Duyên hải NTB	872	875	883	887	877
1	Đà Nẵng	39	39	45	48	42
2	Quảng Nam	124	133	134	136	137
3	Quảng Ngãi	193	192	193	178	176
4	Bình Định	162	159	158	156	152
5	Phú Yên	134	129	128	128	126
6	Khánh Hoà	79	80	79	79	87
7	Ninh Thuận	45	47	51	61	62
8	Bình Thuận	96	96	95	101	95
B	Tây Nguyên	398	407	424	452	395
9	Kon Tum	46	46	46	46	27
10	Gia Lai	56	56	49	57	43
11	Đắk Lắk	151	161	173	179	171
12	Đắk Nông	67	67	51	57	63
13	Lâm Đồng	78	77	105	113	91

08

Phụ lục 2

**TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ, GIẢI THỂ, SÁP NHẬP, CHUYÊN ĐỔI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TỪ 01/7/2013 ĐẾN 31/12/2016
VÙNG DHNTB + TN**

Ban hành kèm theo báo cáo số ~~6867~~ /BC-BNN-KTHT ngày ~~17~~ /8/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

STT	TÊN TỈNH, TP	Tổng số tại thời điểm 01/7/2013	Thực hiện đăng ký lại			Số HTX giảm		Thành lập mới từ 01/7/2013	Tổng số tại thời điểm 31/12/2016
			Đã đăng ký lại theo Luật HTX 2012	Chưa chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật	Ngừng hoạt động chờ giải thể tại 31/12/2016	Đã chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác	Đã giải thể, sáp nhập vào HTX khác		
1	2	3=4+5+6+7+8	4	5	6	7	8	9	10=3-7-8+9
	Cả nước	10.425	6.724	487	909	254	2.051	2.606	10.726
	DH NTB + TN	1.270	779	45	204	4	238	244	1.272
A	Duyên hải NTB	872	624	44	98	0	135	111	877
1	Đà Nẵng	39	22	0	8	0	9	12	42
2	Quảng Nam	124	98	0	10	0	16	29	137
3	Quảng Ngãi	193	147	5	12	0	29	12	176
4	Bình Định	162	118	18	4	0	22	12	152
5	Phú Yên	134	72	3	42	0	17	9	126
6	Khánh Hoà	79	60	2	16	0	1	9	87
7	Ninh Thuận	45	36	6	0	0	27	20	62
8	Bình Thuận	96	71	10	6	0	14	8	95
B	Tây Nguyên	398	155	1	106	4	103	133	395
9	Kon Tum	46	9	0	10	0	44	8	27
10	Gia Lai	56	32	0	10	2	28	1	43
11	Đắk Lắk	151	49	1	57	0	21	64	171
12	Đắk Nông	67	19	0	18	2	1	26	63
13	Lâm Đồng	78	46	0	11	0	9	34	91

8

Phụ lục 3
SỐ LƯỢNG HỢP TÁC VÀ NÔNG NGHIỆP THEO LĨNH VỰC TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2016 VÙNG DHNTB + TN
 Ban hành kèm theo báo cáo số **6867/BC-BNN-KTHT** ngày **18/2017** của Bộ Nông nghiệp và PTNT



STT	TÊN TỈNH, TP	Tổng số	Trong đó chia theo lĩnh vực								
			Trồng trọt	Chăn nuôi	Lâm nghiệp	Thủy sản		Diêm nghiệp	Nước sạch NT	Tổng hợp	Ngừng hoạt động
						Nuôi	K.thác				
1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Cả nước	10.726	2.016	536	115	502	109	116	338	6.085	909
	DH NTB + TN	1.272	177	24	7	15	61	7	11	766	204
A	Duyên hải NTB	877	93	4	4	7	61	7	1	602	98
1	Đà Nẵng	42	14	1	0	1	4	0	0	14	8
2	Quảng Nam	137	2		1					124	10
3	Quảng Ngãi	176	5	1	2	4	8	2		142	12
4	Bình Định	152	67	1	1	1				78	4
5	Phú Yên	126						1		83	42
6	Khánh Hoà	87	5	1	0	0	9	3	1	52	16
7	Ninh Thuận	62					1			61	0
8	Bình Thuận	95				1	39	1		48	6
B	Tây Nguyên	395	84	20	3	8	0	0	10	164	106
9	Kon Tum	27				5				12	10
10	Gia Lai	43	15	11	0	0	0	0	0	7	10
11	Đắk Lắk	171	30		3	2			10	69	57
12	Đắk Nông	63		2						43	18
13	Lâm Đồng	91	39	7		1				33	11

By